TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Hào;

Bà Lê Thị Phương Dung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 368/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị B, sinh năm 1976; Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: xxx, tổ a, ấp b, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;
-*Bị đơn:* Ông Lê Hữu C, sinh năm 1974; vắng mặt
Địa chỉ: xxx, tổ a, ấp b, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

-Về hôn nhân: Bà và ông Lê Hữu C chung sống với nhau năm 1993 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã TT, huyện Triệu Thọ, tỉnh Thanh Hoá, việc chung sống của ông bà là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý và làm đám cưới theo phong tục tập quán. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do ông bà nhiều điểm không hợp nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, không hợp nhau, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và không còn hàn gắn được nữa.

Nay, bà xét thấy đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn được ly hôn với ông Lê Hữu C.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Hữu Q, sinh năm 1994 và Lê Quốc H, sinh năm 2010. Hiện tại các con đang sinh sống với ông bà. Con lớn đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con tên H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lê Hữu C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông bà chung sống với nhau năm 1993 và đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Thời gian đầu chung sống tại tỉnh Thanh Hoá. Đến năm 2003 vào xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương sinh sống và làm rẫy, thời gian đầu sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn do ông uống rượu và có đánh vợ nên vợ bỏ ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Nay bà B xin ly hôn ông không đồng ý.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Hữu Q, sinh năm 1994 và Lê Quốc H, sinh ngày 06/4/2010, hiện tại cháu đang sinh sống với bà B. Ông không muốn ly hôn nên không có ý kiến về nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Lê Quốc H cho bà Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà bị đơn cư trú tại xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Lê Thị B có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lê Hữu C đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Lê Hữu C là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Triệu Thọ, tỉnh Thanh Hoá năm 1993 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn mỗi lần đi uống rượu về đập phá đồ đạc và hành hung vợ con, hiện nguyên đơn đã dọn ra ngoài sinh sống, bị đơn cho rằng bị đơn thường xuyên uống rượu và có đánh vợ con nhưng không đồng ý ly hôn, tại biên bản xác minh ngày 25/11/2020 ở địa phương tại UBND xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bị đơn thường xuyên uống rượu về nhà gây chuyện với nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao trích lục khai sinh xác định bà Lê Thị B và ông Lê Hữu C có 02 con chung tên Lê Hữu Q, sinh năm 1994 và Lê Quốc H, sinh ngày 06/4/2010, Hiện tại, con tên Q đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết, con tên H đã trên 07 tuổi Hội đồng xét xử xét theo nguyện vọng của cháu H là muốn sống với mẹ và xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý của trẻ nên HĐXX giao con tên H cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp, không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B đối với bị đơn ông Lê Hữu C về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị B được ly hôn với ông Lê Hữu C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 06/4/2010 cho bà Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, bà Lê Thị B cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông Lê Hữu C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị B không yêu cầu ông Lê Hữu C cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0043528 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã TT, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá (số 01/1993 ngày 31/5/1993);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiên